

Phân tích khung quản lý đào tạo khởi nghiệp dựa vào mô hình CIPO tại Trường Đại học Tân Trào

Vũ Thị Tâm Hiếu*

*ThS. Trường Đại học Tân Trào

Received: 25/6/2024; Accepted: 28/6/2024; Published: 01/7/2024

Abstract: In this article, the authors propose a management framework for entrepreneurship training according to the CIPO model (Scheerrens, 1990) at Tan Trao University to ensure the quality of entrepreneurship training. In quality assurance, a set of standards/criteria has been developed in accordance with the characteristics of entrepreneurship training. This study proposes to ensure the quality of entrepreneurship training based on the CIPO model, contributing to improving the quality of entrepreneurship training, as well as improving the effectiveness of ensuring the quality of entrepreneurship training at universities in Vietnam.

Keywords: Management, CIPO model, startup, university, training program

1. Đặt vấn đề

Quản lý đào tạo khởi nghiệp (ĐTKN) theo tiếp cận CIPO với đặc trưng quản lý ĐTKN theo diễn tiến từ đầu vào, quá trình đến đầu ra dưới tác động của bối cảnh xã hội. Vì vậy nó có ý nghĩa rất quan trọng trong việc kiểm soát quá trình ĐTKN đảm bảo chất lượng, bởi lẽ các yếu tố của quá trình ĐTKN chính là các tiêu chí của kiểm định chất lượng ĐTN. Kiểm soát được chất lượng từng yếu tố đầu vào, quá trình, đầu ra cũng chính là kiểm soát được các tiêu chí kiểm định chất lượng theo quy định của Thông tư 15 (Bộ GD-ĐT, 2021). Hoạt động ĐBCL trong quá trình quản lý đào tạo luôn chịu tác động của bối cảnh xã hội, đòi hỏi chủ thể QL phải có những hoạt động điều tiết thích ứng với những yếu tố tác động khách quan (cơ chế chính sách; Cách mạng Công nghiệp 4.0; hội nhập quốc tế...) và chủ quan (nguồn lực tài chính; năng lực đội ngũ; hợp tác quốc tế...) của bối cảnh nhằm tận dụng thời cơ và vượt qua thách thức trong quá trình QL ĐTKN theo tiếp cận CIPO với mục tiêu là không ngừng nâng cao chất lượng GD đại học. Người học có đủ năng lực khởi nghiệp trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0, góp phần giải quyết việc làm và phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Để đạt mục tiêu của quá trình quản lý ĐTKN, hơn ai hết, chủ thể quản lý ĐTKN phải hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng quản lý ĐTKN theo tiếp cận CIPO như đã nêu trên, biết vận dụng cách tiếp cận này một cách sáng tạo, linh hoạt, đúng quy luật bằng các biện pháp QL phù hợp, hiệu quả đảm bảo cho quá trình quản lý ĐTKN đạt chất lượng; uy tín, thương hiệu cơ sở GDĐH không

ngừng được nâng cao; thu hút được người học và bên liên quan.

Bên cạnh cung cấp các kiến thức cho người học về chuyên môn, các chương trình ĐTKN giúp SV nắm vững cách thức triển khai được ý tưởng kinh doanh, các PP hu động và những bài học kinh nghiệm về khởi nghiệp. Công tác đảm bảo chất lượng trong các trường ĐH từ đầu vào, quá trình ĐT và đầu ra phải đảm bảo để đạt được mục tiêu ĐTKN với đặc thù về chất lượng sản phẩm đầu ra. Để thực hiện ĐBCL CTĐT đại học ngành KT cần xây dựng khung ĐBCL CTĐT theo mô hình CIPO (Context, Input, Process, Output - Outcome) (Nguyễn, 2018; Scheerrens, 1990). Mục tiêu giúp bao quát toàn bộ quy trình đào tạo từ xây dựng mục tiêu ĐT, chuẩn đầu ra với các điều kiện ĐBCL là nguồn lực, CTĐT, phương thức dạy và học đưa vào quá trình ĐT, từ đó tạo đầu ra và kết quả đầu ra mong đợi trong bối cảnh nhất định.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Tại Hoa Kỳ [47], các trường nói chung, trường đào tạo nói riêng đều hoạt động theo nguyên tắc tự quản và tự do về học thuật, bộ phận quản lý cao nhất của một trường là ban quản trị mà các thành viên bên ngoài trường thuộc giới chuyên môn về tài chính, công nghiệp. Các nhà quản lý thường tiến hành khảo sát tại các trường để xác định các vấn đề căn bản mà cấp giáo dục phải đương đầu để có những hiệu chỉnh phù hợp. Như vậy, tại Hoa Kỳ họ coi trọng tự do học thuật trong quản lý đào tạo, có sự kết hợp giữa Ban Quản trị nhà trường với giới chuyên môn liên quan

đến chuyên ngành đào tạo nhưng có nguyên tắc, có khảo sát thường xuyên và chi phối các nguồn lực đầu tư cho cơ sở đào tạo một cách có căn cứ, tạo chiều sâu và hiệu ứng kép trong quản lý đào tạo

Thực tế, việc áp dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của các nước Châu Âu hay Châu Mỹ đều chưa phù hợp với thực tiễn GDĐH tại VN. Hiện nay, trong điều kiện đào tạo ĐH ở VN thì bộ tiêu chuẩn ĐBCL CTĐT của mạng lưới các trường ĐH khu vực Đông Nam Á (AUN-QA, 2015) phù hợp hơn. Tuy nhiên, bộ tiêu chuẩn này dùng để đánh giá chung cho tất cả các ngành ĐT nên sẽ có những hạn chế và không chỉ ra được đặc thù của từng ngành, cho nên, việc xây dựng một bộ tiêu chuẩn ĐBCL CTĐT cho từng ngành ĐT sẽ mang lại hiệu quả QLCL ĐT tốt hơn. Vì vậy, cần thực hiện các nghiên cứu về xây dựng bộ tiêu chuẩn ĐBCL CTĐT cho ngành KT. Bên cạnh đó, để thực hiện ĐBCL một CSGDĐH hay một CTĐT ĐH cần có một khung ĐBCL để làm nền tảng thực hiện QLCL ĐT của một trường ĐH. Do đó, nhóm tác giả đã thực hiện xây dựng một khung ĐBCL CTĐT bao gồm: Hệ thống ĐBCL CTĐT, bộ tiêu chuẩn ĐBCL CTĐT và quy trình ĐBCL CTĐT dựa theo quá trình ĐT CIPO. Khung ĐBCL CTĐT này có thể áp dụng cho các khối liên ngành như Kinh doanh, Tài chính, Kế toán... đặc biệt có thể sử dụng các phần chung ĐBCL.

2.2. Mô hình CIPO và khả năng áp dụng trong quá trình quản lý ĐTKN

***Các yếu tố tác động của môi trường (C-Context):**

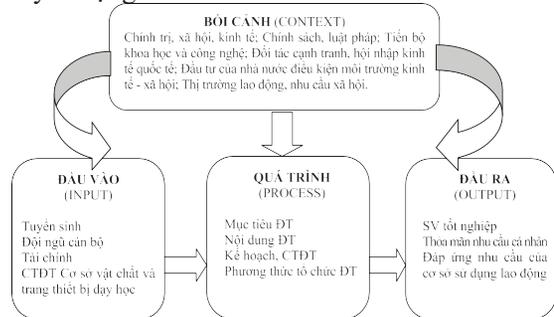
Những yếu tố môi trường bên ngoài tác động vào tất cả các yếu tố bên trong của cơ sở ĐT, tạo ra tính ổn định, cân bằng của hệ thống, là căn cứ cơ bản để xác định mục tiêu, thúc đẩy hoặc kìm hãm quá trình hoạt động nhằm thực hiện mục tiêu ĐT. Các yếu tố môi trường bên ngoài bao gồm: chính trị, xã hội, kinh tế, chính sách, các vấn đề luật pháp, sự tiến bộ khoa học công nghệ, nhu cầu thị trường lao động, đối tác cạnh tranh, chất lượng ĐT của các cấp học tiền ĐH, định hướng nghề nghiệp của gia đình, cá nhân người học...

***Yếu tố đầu vào (I-Input):** Bao gồm chất lượng tuyển sinh, đội ngũ GV, CSVC, tài chính, Chương trình đào tạo... đó là những điều kiện đào tạo khởi nghiệp. Đánh giá đầu vào để điều chỉnh kế hoạch và lựa chọn nguồn lực.

***Yếu tố quá trình (P-Process):** Là quá trình biến đổi các nguồn lực đầu vào thành sản phẩm đầu ra, nó là đối tượng của hệ thống quản lý gồm các công đoạn

của quy trình ĐT theo những phương thức nhất định: hoạt động đào tạo (hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động học tập của người học, các phương thức kiểm tra, đánh giá), công tác hỗ trợ người học... Nói một cách khác, đó là diễn biến của quá trình đào tạo từ khi bắt đầu đến khi kết thúc.

***Yếu tố đầu ra (O-Output):** SV tốt nghiệp thỏa mãn nhu cầu cá nhân, năng lực làm việc của SV tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, nhà tuyển dụng...



Hình 2.1. Mô hình quá trình đào tạo CIPO

Nguồn: Scheerrens (1990)

Mô hình CIPO thể hiện được các thành tố của quá trình ĐT và mối quan hệ với các tổ chức sử dụng nguồn nhân lực sau ĐT. Để thực hiện ĐBCL ĐT, ngoài việc đảm bảo các yếu tố đầu vào, quá trình ĐT và đầu ra thì để đáp ứng nhu cầu xã hội, cần quan tâm đến đặc điểm kinh tế - xã hội và sự phát triển của các ngành, địa phương và nhu cầu xã hội trong quá trình phát triển... Có thể thấy, quá trình ĐT và thị trường lao động có mối quan hệ chặt chẽ và cũng phụ thuộc vào chất lượng, hiệu quả ĐT. Do vậy, cần thiết phải quản lý tất cả mọi yếu tố của quá trình ĐT từ đầu vào, quá trình, bối cảnh đến đầu ra để nâng cao chất lượng đáp ứng nhu cầu người học, nhu cầu xã hội, cũng như nâng cao hiệu quả đào tạo của nhà trường. Vì vậy, mô hình CIPO phù hợp với việc thực hiện đảm bảo toàn diện chất lượng ĐT ĐH.

2.3. Khảo nghiệm về khung đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo đại học ngành kinh tế tại VN

***Mục đích khảo nghiệm**

Thu thập, phân tích và tổng hợp các ý kiến các chuyên gia nhằm hoàn thiện khung ĐBCL CTĐT ngành KT được xây dựng.

Đối tượng và phương pháp khảo nghiệm

Đối tượng khảo nghiệm

Các chuyên gia được xin ý kiến về khung quản lý đảm bảo chất lượng là Lãnh đạo Trường ĐH Tân Trào; Lãnh đạo Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng, Lãnh đạo phòng đào tạo, Lãnh đạo Hội doanh

ng nghiệp trẻ tỉnh Tuyên Quang Lãnh đạo tỉnh đoàn TQ, Lãnh đạo phòng quản lý SV

PP khảo nghiệm

Sử dụng PP điều tra bằng bảng hỏi (trực tiếp và gửi email) và PP phỏng vấn (trực tiếp và gọi điện thoại), thông qua Mẫu phiếu xin ý kiến chuyên gia và nhóm nghiên cứu đã nhận được kết quả phỏng vấn các chuyên gia trong lĩnh vực GDĐT với mục đích tìm giải pháp nâng cao hiệu quả ĐBCL CTĐT ĐH ngành KT.

*Phân tích kết quả khảo nghiệm

Tổng hợp các ý kiến đánh giá của chuyên gia về mô hình quản lý chương trình ĐTKN được xây dựng như sau: 100% số chuyên gia được hỏi tán thành mô hình quản lý chương trình đào tạo được xây dựng bao gồm ba vấn đề cốt lõi, cụ thể là: (1) Hệ thống mục tiêu, chuẩn đầu ra; (2) nội dung chương trình đào tạo và (3) đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất

Qua trao đổi với các chuyên gia, đại diện lãnh đạo Trường ĐH Tân Trào cho ý kiến: “Nội dung được đề cập trong mô hình quản lý chương trình ĐTKN của nghiên cứu này xây dựng đã phản ánh sự kế thừa có chọn lọc từ trong thời gian gần đây, tuy nhiên mô hình quản lý chương trình ĐTKN cần chỉnh sửa và bổ sung một số khía cạnh, phương diện nhằm nâng cao hiệu quả khi vận hành công tác quản lý đảm bảo tính logic và phù hợp với điều kiện thực tế hơn”.

Thảo luận và hàm ý chính sách

Kết quả khảo sát chuyên gia chỉ ra rằng mô hình quản lý chương trình đào tạo được xây dựng là cần thiết để thực hiện ĐBCL CTĐT.

Đối với mô hình quản lý ĐTKN được đề xuất, 100% số chuyên gia được xin ý kiến đều cho rằng mô hình khá cụ thể và phù hợp, phát triển tốt theo các tiêu chuẩn/tiêu chí đã có ở những bộ tiêu chuẩn đã được sử dụng trong Trường ĐH Tân Trào đặc biệt thể hiện sự phù hợp đối với ĐTKN. Các chuyên gia cũng cho rằng các Trường ĐH Tân Trào nên chú trọng hoàn thiện quản lý ĐTKN. Công tác chủ động lấy ý kiến phản hồi hay tiếp nhận thông tin từ SV đang theo học cũng như SV tốt nghiệp ra trường qua nhiều hình thức, nhiều kênh khác nhau là cơ sở quan trọng để nhà trường kịp thời điều chỉnh, cải tiến CTĐT, CSVC, nguồn lực tham gia, hỗ trợ ĐT.

Bên cạnh đó, các chuyên gia cũng yêu cầu cần bổ sung bước cải tiến quy trình các quy trình này được xây dựng theo hướng mở, để có thể tiến hành điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp với bối cảnh, điều kiện cụ thể trong từng lĩnh vực. Các quy trình trong quản lý đào tạo cũng sẽ bao phủ toàn bộ các lĩnh vực

như bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đã xây dựng gồm các quy trình liên quan đến xây dựng mục tiêu ĐT và chuẩn đầu ra; các quy trình liên quan đến đầu vào như các quy trình tuyển sinh, xây dựng CTĐT, rà soát CTĐT, tuyển dụng cán bộ GV; các quy trình liên quan đến quá trình như các quy trình về tổ chức ĐT: xây dựng kế hoạch ĐT theo năm học, xây dựng chế độ chính sách hỗ trợ SV, quy trình KTĐG môn học; các quy trình liên quan đến đầu ra: quy trình thực hiện tốt nghiệp, quy trình khảo sát SV tốt nghiệp.

Các quy trình ĐBCL khi xây dựng xong cần được thể hiện tính pháp lý và được phổ biến công khai tới cán bộ, GV, nhân viên và SV. Các công việc sau khi đã được thực hiện theo quy trình sẽ thống nhất thực hiện trong toàn trường để đảm bảo tính thông suốt, rõ ràng, nhất quán và đảm bảo chất lượng thực hiện công việc.

3. Kết luận

Trong thực tế, một số trường ĐH đã áp dụng mô hình quản lý chất lượng theo ISO, quản lý chất lượng tổng thể (TQM). Tuy nhiên, chưa có trường ĐH nào áp dụng mô hình quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng đào tạo dựa vào CIPO. Trên cơ sở nghiên cứu về đặc điểm chương trình đào tạo, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng ĐTKN, nhóm tác giả đã xây dựng mô hình quản lý đào tạo theo tiếp cận CIPO. Điểm nổi bật trong mô hình đề xuất được đánh giá cao từ các chuyên gia do trong Bộ tiêu chuẩn, tiêu chí nhóm tác giả đã mạnh dạn đưa hệ thống giám sát, kiểm soát và đánh giá chất lượng là yếu tố bắt buộc sẽ góp phần không nhỏ nâng cao chất lượng ĐT nói chung, đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo nói riêng. Với việc xây dựng mô hình quản lý chất lượng đào tạo này, chúng tôi mong muốn Trường ĐH Tân Trào có thể vận dụng mô hình quản lý đào tạo làm TLTK trong ngắn hạn và trung hạn để thực hiện triển khai đảm bảo chất lượng ĐTKN trong nhà trường.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học*, Ban hành kèm theo thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016. Hà Nội

2. Cave, M., Hanney, S., Henkel, M. & Kogan, M. (1997), *The use of performance indicators in higher education: the challenge of the quality movement*, 3rd ed, London: Jessica Kingsley.

3. Nguyễn, N.T. (2018), “*Vận dụng mô hình CIPO để đổi mới trong quản lý hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường lao động*”, Tạp chí Giáo dục, Số 429, tr. 11 - 15. Hà Nội